

BIỂU SỐ 28/2019

THỐNG KÊ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, HÀNH CHÍNH

I. Một số khái niệm

1. Ủy thác thi hành án

Ủy thác thi hành án được quy định tại Điều 55, 57 Luật THADS

- Đối với số việc/tiền chưa ra quyết định thi hành án mà ủy thác việc/tiền đó đi thi đơn vị ủy thác đi không phải thống kê, đơn vị nhận ủy thác sẽ ra QĐ THADS mới, thống kê vào số việc/tiền mới.

- Đối với Ủy thác toàn bộ số việc/ tiền khi đã ra QĐ THADS: nếu cơ quan THA ra Quyết định THADS, sau đó ủy thác trong kỳ thống kê thì đơn vị ra Quyết định sẽ thống kê vào dòng số 3 và dòng số 5 (Số việc) và dòng 22 và dòng 24 (Số tiền), đơn vị nhận ủy thác sẽ ra QĐ THA mới sẽ thống kê vào số việc/tiền mới; Nếu cơ quan THA ra Quyết định THADS kỳ thống kê trước, đến kỳ thống kê này cơ quan THADS ra QĐ ủy thác THA thì đơn vị ủy thác sẽ thống kê vào Dòng số 3 và dòng số 4 (Số việc) và dòng 22 và dòng 23 (Số tiền), đơn vị nhận ủy thác sẽ ra QĐ THA mới, thống kê vào số việc/tiền mới.

- Đối với ủy thác một phần việc/tiền, các đơn vị vẫn thống kê khi có QĐ THADS và các chỉ tiêu khác đến khi kết thúc thi hành án, phần việc/tiền ủy thác đi cơ quan THADS nhận ủy thác sẽ ra một quyết định THA mới, vì vậy số việc/tiền này sẽ được tính vào một số việc/tiền mới thụ lý (phần này được quy định trong phần chung “nguyên tắc thống kê tách, nhập vụ án”).

2. Số việc/tiền Cục rút lên để thi hành (tại dòng 6 và dòng số 25)

Trường hợp Cơ quan Thi hành án cấp tỉnh rút lên để thi hành án thì VKS cấp tỉnh sẽ thống kê vào số việc/tiền Cục rút lên để thi hành, VKS cấp huyện sẽ thống kê vào số việc/tiền ủy thác thi hành án (tại dòng 3 và dòng 22).

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong thống kê thi hành án dân sự bao gồm: việc, quyết định, cuộc, tiền được tính 1.000 VNĐ (nghìn Việt Nam đồng)

Tiền bao gồm nghĩa vụ về tiền và tài sản được quy đổi thành tiền. Trường hợp một việc thi hành án có một hoặc nhiều tài sản phải tiêu hủy, tài sản không có giá trị, tài sản không tính được bằng tiền hoặc việc thi hành án không tính được bằng tiền thì toàn bộ tài sản, việc thi hành đó khi thống kê được tính là 1.000 đồng

4. Cuộc kiểm sát

Mỗi quyết định thông báo kiểm sát của VKS được tính là một cuộc kiểm sát (đã có kết luận)

2. Số bản kiến nghị, kiến nghị được chấp nhận và không được chấp nhận:

Thông kê số bản kiến nghị của VKS: kiến nghị xem xét hành vi, quyết định liên quan đến thi hành án có vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng của Tòa án, cơ quan THADS cùng cấp hoặc cấp dưới, yêu cầu khắc phục vi phạm pháp luật. Kiến nghị cơ quan tổ chức và cá nhân thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc thi hành án dân sự, hành chính (theo quy định tại Điều 28 và Điều 30 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Điều 12 Luật THADS, Điều 315 Luật Tổ tụng hành chính)

Thông kê số bản kiến nghị được cơ quan Tòa án, cơ quan Thi hành án dân sự có văn bản chấp nhận hoặc không chấp nhận

II. Các dòng cụ thể

- **Dòng 1 (Số việc còn lại của kỳ trước):** Thông kê số việc còn lại của kỳ thống kê trước (số việc đang giải quyết, số việc hoãn, tạm đình chỉ thi hành, số việc chưa có điều kiện thi hành) và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 2 (Số việc mới thụ lý):** Thông kê số việc cơ quan thi hành án dân sự đã chuyển Quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án cùng cấp sang VKS trong kỳ thống kê theo Điều 38 Luật THADS.

- **Dòng 3 (Số việc ủy thác thi hành án)** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 4 (Tr. đó: Số ủy thác của kỳ trước)** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 5 (Số ủy thác mới thụ lý trong kỳ)** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 6 (Số việc cục rút lên thi hành)** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 7 (Tổng số việc phải thi hành):** Thông kê số việc mà cơ quan THADS phải tổ chức thi hành trong kỳ báo cáo gồm: Dòng 7=Dòng 1+dòng 2-Dòng 3+Dòng 6.

- **Dòng 8 (Số việc có điều kiện thi hành):** Thông kê số việc có điều kiện thi hành để thực hiện nghĩa vụ theo Quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ

quan thi hành án hoặc có căn cứ để áp dụng các biện pháp đình chỉ, miễn thi hành án (Điều 44 Luật THADS).

- **Dòng 9 (Tr. đó: Số việc kết thúc thi hành án) :** Thống kê số việc đã kết thúc thi hành án (bao gồm: số việc đã thi hành xong, số việc đình chỉ thi hành án (Điều 52 Luật THADS).

- **Dòng 10 (Tr. đó: Số việc đã thi hành xong):** Thống kê số việc cơ quan thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành xong toàn bộ các quyết định thi hành án của thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự; *hoặc những việc thi hành xong một phần, phần còn lại đình chỉ thi hành án thì vẫn tính là số việc thi hành xong.*

- **Dòng 11 (Số việc đình chỉ thi hành án, miễn THA):** Thống kê số việc cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án và quyết định miễn thi hành án (Điều 50 và Điều 63 Luật THADS).

- **Dòng 12 (Số việc đang thi hành):** Thống kê số việc có điều kiện giải quyết và cơ quan thi hành án dân sự đang tổ chức thi hành, số việc này vẫn được quay lại thống kê tiếp tục vào kỳ thống kê sau (khi việc này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác)

- **Dòng 13 (Số việc hoãn THA):** Thống kê số việc cơ quan THADS ra QĐ hoãn Điều 48 Luật THADS , số việc này vẫn được quay lại thống kê tiếp tục vào kỳ thống kê sau (khi mà quyết định hoãn này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

- **Dòng 14 (Tr. đó: Hoãn theo điểm C Khoản 1, Đ48)** Thống kê số việc cơ quan THADS ra QĐ hoãn theo C khoản 1 Điều 48

- **Dòng 15 (Hoãn trong các trường hợp khác)** Thống kê số việc cơ quan THADS ra các QĐ hoãn khác trừ điểm C khoản 1 Điều 48.

- **Dòng 16 (Số việc tạm đình chỉ THA):** Thống kê số việc cơ quan THADS ra QĐ tạm đình chỉ THA (theo Điều 49 Luật THADS), số việc này vẫn được quay lại thống kê tiếp tục vào kỳ thống kê sau (khi mà quyết định tạm đình chỉ này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

- **Dòng 17 (Số việc chưa thi hành vì lý do khác):** Thống kê số việc cơ quan THADS đã xác minh có điều kiện thi hành nhưng chưa thi hành được vì một số lý do như đương sự khiếu nại đối với quyết định THADS,Số việc này vẫn được quay lại thống kê vào kỳ thống kê sau (khi mà việc chưa thi hành này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

Dòng 18 (Số việc chưa có điều kiện thi hành (Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành) : Thống kê số việc cơ quan THADS đã xác minh chưa có điều kiện thi hành do người phải thi hành án không có đủ các điều kiện để thi hành, cơ quan THADS phải ra quyết định về

việc chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật THADS). Số việc này vẫn được quay lại thống kê vào kỳ thống kê sau (khi mà quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

- **Dòng 19 (Số việc chuyển kỳ sau):** Thống kê số việc cơ quan thi hành án dân sự chưa giải quyết xong bao gồm (số việc đang giải quyết, số việc hoãn, tạm đình chỉ thi hành, số việc chưa có điều kiện thi hành, số việc chưa thi hành vì lý do khác, Số việc chưa có điều kiện thi hành) trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

Số việc chuyển kỳ sau = Tổng số phải thi hành - Số kết thúc thi hành án.

II. Số tiền

- **Dòng 20 (Số tiền còn lại của kỳ trước):** Thống kê số tiền còn lại của kỳ thống kê trước (số tiền đang giải quyết, số tiền hoãn, tạm đình chỉ thi hành, số tiền chưa có điều kiện thi hành) và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 21 (Số tiền mới thụ lý):** Thống kê số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã chuyển Quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án cùng cấp sang VKS trong kỳ thống kê theo Điều 38 Luật THADS.

- **Dòng 22 (Số tiền ủy thác thi hành án):** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 23 (Tr. đó: Số tiền ủy thác của kỳ trước):** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 24 (Số tiền ủy thác mới thụ lý trong kỳ):** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 25 (Số việc cục rút lên thi hành):** xem hướng dẫn ở phần I. **Một số khái niệm**

- **Dòng 26 (Tổng số tiền phải thi hành)** Thống kê số tiền mà cơ quan THADS phải tổ chức thi hành trong kỳ báo cáo gồm: Dòng 26=Dòng 20+dòng 21- Dòng 22+Dòng 25.

- **Dòng 27 (Số tiền có điều kiện thi hành):** Thống kê số tiền có điều kiện thi hành để thực hiện nghĩa vụ theo Quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án hoặc có căn cứ để áp dụng các biện pháp đình chỉ, miễn thi hành án (Điều 44 Luật THADS).

- **Dòng 28 (Tr. đó: Số tiền kết thúc thi hành án):** Thống kê số tiền đã kết thúc thi hành án (bao gồm: số tiền đã thi hành xong, số tiền đình chỉ thi hành án (Điều 52 Luật THADS).

- **Dòng 29 (Tr. đỏ: Số tiền đã thi hành xong):** Thống kê số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành xong (đã thu và chi trả cho đương sự hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo nội dung bản án, quyết định) hoặc *số tiền đã thi hành xong một phần, phần tiền còn lại đình chỉ thi hành án thì vẫn tính là số tiền thi hành xong.*

- **Dòng 30 (Số tiền đình chỉ thi hành án, miễn thi hành):** Thống kê số tiền cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án và quyết định miễn thi hành án (Điều 50 và Điều 63 Luật THADS).

- **Dòng 31 (Số tiền giảm thi hành án)** Thống kê số tiền cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định giảm thi hành án (Điều 62 và Điều 63 Luật THADS).

- **Dòng 32 (Số tiền đang thi hành thi hành án):** Thống kê số tiền có điều kiện giải quyết và cơ quan thi hành án dân sự đang tổ chức thi hành, số tiền này vẫn được quay lại thống kê tiếp tục vào kỳ thống kê sau (khi việc này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác)

- **Dòng 33 (Số tiền hoãn thi hành án):** Thống kê số tiền cơ quan THADS ra QĐ hoãn THADS theo Điều 48, số tiền này vẫn được quay lại thống kê tiếp tục vào kỳ thống kê sau (khi mà quyết định hoãn này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

- **Dòng 34 (Tr. đỏ: Hoãn theo điểm C Khoản 1, Đ48):** Thống kê số tiền cơ quan THADS ra QĐ hoãn (theo điểm C khoản 1 Điều 48 Luật THADS), số tiền này vẫn được quay lại thống kê tiếp tục vào kỳ thống kê sau (khi mà quyết định hoãn này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

- **Dòng 35 (Hoãn trong các trường hợp khác):** Thống kê số tiền cơ quan THADS ra các QĐ hoãn khác trừ điểm C khoản 1 Điều 48.

- **Dòng 36 (Số tiền tạm đình chỉ thi hành án):** Thống kê số tiền cơ quan THADS ra QĐ tạm đình chỉ THA (theo Điều 49 Luật THADS), số tiền này vẫn được quay lại thống kê tiếp tục vào kỳ thống kê sau (khi mà quyết định tạm đình chỉ này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

- **Dòng 37 (Số tiền chưa thi hành vì lý do khác (chờ gq khiếu nại .v.v.):** Thống kê số tiền cơ quan THADS đã xác minh có điều kiện thi hành nhưng chưa thi hành được vì một số lý do như đương sự khiếu nại đối với quyết định THADS,Số tiền này vẫn được quay lại thống kê vào kỳ thống kê sau (khi mà số tiền chưa thi hành này chưa được thay thế bằng một quyết định giải quyết khác).

- **Dòng 38 (Số tiền chưa có điều kiện thi hành:** Thống kê số tiền Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định về tiền chưa có điều kiện thi hành.

- **Dòng 39 (Số tiền chuyển kỳ sau):** Thống kê số tiền cơ quan thi hành án dân sự chưa giải quyết xong bao gồm (số tiền đang giải quyết, số tiền hoãn, tạm đình chỉ thi hành, số tiền chưa thi hành vì lý do khác, số tiền chưa có điều kiện thi hành) trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

Số tiền chuyển kỳ sau = Tổng số phải thi hành - Số kết thúc thi hành án.

III. HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

- **Dòng 40 (Số quyết định về THADS VKS đã kiểm sát):** Thống kê số quyết định của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp đã chuyển sang VKS trong kỳ thống kê (tính theo sổ thụ lý) và VKS đã kiểm sát

- **Dòng 41 (Tr. đó: Số quyết định về thi hành án dân sự có vi phạm (thời hạn, nội dung, hình thức):** Thống kê số quyết định của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp đã chuyển sang VKS không đúng hạn (Điều 38 Luật THADS) và theo thông tư số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010) và các QĐ bao gồm: QĐ hoãn, TĐC, đình chỉ v.v. của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp chuyển sang VKS có vi phạm về nội dung, hình thức ...

- **Dòng 42 Số cuộc kiểm sát trực tiếp (đã hoàn thành):** Thống kê số cuộc Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án của cơ quan thi hành án bao gồm kiểm sát cơ quan THADS cùng cấp, cấp dưới và cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc THADS đã hoàn thành (đã có kết luận) (dòng 42 = dòng 43 + dòng 44 + dòng 45).

- **Dòng 43 (Tr.đó: Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp):** Thống kê số cuộc Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp đã hoàn thành.

- **Dòng 44 (Cơ quan thi hành án cấp dưới):** Thống kê số cuộc Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự cấp dưới đã hoàn thành.

- **Dòng 45 (Cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc THADS):** thống kê số cuộc Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành án của cơ quan, tổ chức có liên quan đã hoàn thành.

- **Dòng 46 (Số việc kiểm sát việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế THA):** Thống kê số việc VKS kiểm sát việc áp dụng 06 biện pháp cưỡng chế được quy định tại Điều 71 Luật THADS.

- **Dòng 47 (Tr. đó: Số việc kiểm sát kê biên, xử lý tài sản):** Thống kê số việc cơ quan THADS ra QĐ kê biên, xử lý tài sản Viện kiểm sát đã kiểm sát

(như kê biên, sử dụng khai thác quyền sở hữu trí tuệ; kê biên tài sản là quyền sử dụng đất (Điều 84), tài sản phải đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm, kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp.... (Điều 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95... Luật THADS).

- **Dòng 48 (Số việc kiểm sát thẩm định giá, bán đấu giá tài sản):** Thống kê số việc cơ quan THADS ra QĐ thẩm định giá, bán đấu giá tài sản mà VKS đã kiểm sát theo quy định tại Điều 98, 99... Luật THADS

- **Dòng 49 (Tr. đó: Số việc kiểm sát thẩm định giá, bán đấu giá tài sản có vi phạm):** Thống kê số việc VKS đã kiểm sát các biện pháp cưỡng chế phát hiện có vi phạm.

- **Dòng 50 (Số việc kiểm sát việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế THA có vi phạm):** Thống kê số việc VKS đã kiểm sát các biện pháp cưỡng chế phát hiện có vi phạm.

- **Dòng 51 (Tr. đó: Số việc kiểm sát kê biên, xử lý tài sản có vi phạm):** Thống kê số việc kê biên, xử lý tài sản VKS đã kiểm sát có vi phạm

- **Dòng 52 (Số việc kiểm sát việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án, các quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời của TA; thi hành khoản tịch thu sung quỹ Nhà nước; hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản án, quyết định hình sự, xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án) thống kê số việc VKS kiểm sát**

- Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án bảo đảm theo quy định tại Điều 54 Luật THADS, Điều 15 Nghị định 62;

- Kiểm sát việc chấp hành viên áp dụng các biện pháp bảo đảm như Phong tỏa tài khoản, tạm giữ tài sản, giấy tờ... tại các điều 66, 67, 68, và 69 Luật THADS;

- Kiểm sát việc cơ quan THADS thi hành các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, của Trọng tài thương mại theo quy định tại điều 130, 131, 132 và 133 luật THADS; Điều 35 Nghị định 62/2015/NĐ-CP;

- Kiểm sát việc chuyển giao, tiếp nhận vật chứng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cho Cơ quan THADS, kiểm sát việc xử lý tài sản tạm giữ, vật chứng bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước... theo quy định tại Điều 122, 123, 124, 125, 126 Luật THADS)

- Kiểm sát việc thực hiện đúng nguyên tắc và điều kiện xét miễn giảm, nghĩa vụ THA đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 61 Luật THADS

Dòng 53 (Tr. đỏ: Số việc phát hiện có vi phạm): Thống kê số việc VKS kiểm sát việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án, các quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời của TA; thi hành khoản tịch thu sung quỹ Nhà nước; hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản án, quyết định hình sự, xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án có vi phạm.

Dòng 54 (Số việc kiểm sát việc tiêu hủy vật chứng, tài sản): Thống kê số việc VKS kiểm sát việc tiêu hủy vật chứng, tài sản theo quy định tại Điều 125 Luật THADS và Điều 33 Nghị định 62/2015/NĐ-CP)

Dòng 55 (Tr. đỏ: Số việc phát hiện có vi phạm): Thống kê số việc kiểm sát việc tiêu hủy vật chứng, tài sản VKS phát hiện có vi phạm.

Dòng 56 (Số việc Kiểm sát việc tổ chức thi hành án dân sự cho các phạm nhân đang chấp hành án phạt tù): Thống kê kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan THADS trong việc phối hợp với Trại giam (Cơ quan THAHS), Trại tạm giam (cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự), Cơ quan THAHS Công an cấp huyện trong việc tổ chức thi hành phần quyền, nghĩa vụ dân sự cho các đương sự (người phải thi hành án, người được thi hành án) đang chấp hành hình phạt tù trong các Trại giam, Trại tạm giam, tại Công an cấp huyện theo quy định tại Điều 128, 129 Luật THADS, Điều 16, 17 Luật THAHS

Dòng 57 (Tr. đỏ: Số việc phát hiện có vi phạm): Thống kê số việc VKS phát hiện có vi phạm khi kiểm sát việc tổ chức thi hành án dân sự cho các phạm nhân đang chấp hành án phạt tù.

- **Dòng 58 (Số việc VKS yêu cầu ra quyết định cưỡng chế, hoãn cưỡng chế):** Thống kê số việc VKS yêu cầu cơ quan THADS ra QĐ cưỡng chế, hoãn cưỡng chế trong kỳ thống kê (Điều 46 luật THADS).

- **Dòng 59 (Số việc VKS yêu cầu CQ THADS ra quyết định THA):** Thống kê số việc VKS yêu cầu cơ quan THADS ra QĐ thi hành án trong kỳ thống kê (Điều 30 luật THADS).

- **Dòng 60 (Số bản VKS yêu cầu cơ quan THADS tự kiểm tra, cung cấp tài liệu...):** Thống kê số bản VKS yêu cầu cơ quan THADS tự kiểm tra, cung cấp tài liệu cho Viện kiểm sát.

- **Dòng 61 (Số việc VKS yêu cầu cơ quan THADS hoãn thi hành án, TĐC THA, đình chỉ THA):** Số việc VKS yêu cầu cơ quan THADS hoãn, TĐC, đình chỉ ... trong kỳ thống kê (Điều 48, 49, 50...luật THADS).

- **Dòng 62 (Số việc VKS yêu cầu cơ quan THADS lập hồ sơ xét miễn giảm tiền phạt án phí, xác minh điều kiện thi hành án và các yêu cầu khác):**

Số việc VKS yêu cầu cơ quan THADS lập hồ sơ xét miễn giảm tiền phạt án phí... theo quy định tại Khoản 1 Điều 62 Luật THADS và Điều 17 Quy chế Công tác kiểm sát THADS.

- **Dòng 63 (Số việc VKS trực tiếp xác minh điều kiện THA):** Thống kê số việc VKS kiểm sát việc xác minh điều kiện THA: xác minh việc bảo đảm thời hạn tự nguyện THA theo quy định tại khoản 1 Điều 45; việc chấp hành thời hạn xác minh theo quy định tại Điều 44 Luật THADS, Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ-CP; Việc phân loại việc có điều kiện hoặc chưa có điều kiện THA; thẩm quyền, căn cứ của việc ra QĐ về việc chưa có điều kiện THA theo quy định tại Điều 44a.

- **Dòng 64 (Số việc VKS phát hiện có điều kiện nhưng xếp vào chưa có điều kiện thi hành):** Thống kê số việc có điều kiện thi hành nhưng cơ quan THADS xếp vào không có điều kiện thi hành (Điều 44 Luật THADS).

- **Dòng 65 (Số việc chậm xác minh điều kiện thi hành án, chậm ra QĐ thi hành án):** Thống kê số việc cơ quan THADS chậm ra QĐ thi hành án theo Điều 36 và chậm xác minh điều kiện thi hành án.

- **Dòng 66 (Số bản kiến nghị cơ quan THADS):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với cơ quan THADS, trong kỳ thống kê (có bản kiến nghị) .

- **Dòng 67 (Tr. đó: Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với cơ quan THADS và không được cơ quan THADS chấp nhận.

- **Dòng 68 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với cơ quan THADS và cơ quan THADS đã có văn bản chấp nhận kiến nghị.

- **Dòng 69 (Số bản kiến nghị cơ quan THADS đã phúc tra):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với cơ quan THADS mà VKS đã kiểm tra lại việc thực hiện kiến nghị.

- **Dòng 70 (Số bản kháng nghị cơ quan THADS):** Thống kê số bản VKS kháng nghị đối với QĐ và hành vi của Thủ trưởng, CHV Cơ quan THADS cùng cấp, cấp dưới, khi có vi phạm trong kỳ thống kê (theo Điều 12 và Điều 160 Luật THADS), và kháng nghị đối với các vi phạm tại Dòng 71, 72, Dòng 73, 74, 75.

- **Dòng 71 (Tr. đó: Cơ quan THADS cùng cấp đình chỉ việc THA có vi phạm):** Thống kê số bản VKS kháng nghị đối với QĐ đình chỉ việc THA có vi phạm của Cơ quan THADS cùng cấp

- **Dòng 72 (CQ THADS cấp dưới đình chỉ việc THA có vi phạm)**: Thống kê số bản VKS kháng nghị đối với QĐ đình chỉ việc THA có vi phạm của Cơ quan THADS cấp dưới.

- **Dòng 73 (CQ THADS cùng cấp hủy bỏ QĐ về THA có vi phạm)**: Thống kê số bản VKS kháng nghị đối với QĐ hủy bỏ QĐ về THA có vi phạm của Cơ quan THADS cùng cấp.

- **Dòng 74 (Yêu cầu chấp hành viên đình chỉ việc THA có vi phạm)**: Thống kê số bản VKS kháng nghị yêu cầu chấp hành viên đình chỉ việc THA có vi phạm.

- **Dòng 75 (Yêu cầu chấp hành viên hủy bỏ quyết định về THA có vi phạm)**: Thống kê số bản VKS kháng nghị yêu cầu chấp hành viên hủy bỏ quyết định về THA có vi phạm.

- **Dòng 76 (Số bản kháng nghị được chấp nhận)**: Thống kê số bản kháng nghị của VKS đối với cơ quan THADS, cơ quan tổ chức có liên quan đến việc THADS và được cơ quan THADS chấp nhận.

- **Dòng 77 (Số bản kháng nghị với cơ quan THADS đã phúc tra)**: Thống kê số bản kháng nghị của VKS đối với cơ quan THADS, mà VKS đã kiểm tra lại việc thực hiện kháng nghị.

- **Dòng 78 (Số bản kiến nghị các cơ quan khác có liên quan đến THADS)**: Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với các cơ quan khác có liên quan đến THADS.

- **Dòng 79 (Số bản án, quyết định Tòa án gửi cho Viện kiểm sát)**: Thống kê số bản án, quyết định Tòa án gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong kỳ báo cáo thống kê theo quy định tại Điều 269, 315, 350, 428 BL TTDS.

Dòng 80 (Tr. đó: Số bản án, quyết định Tòa án gửi cho Viện kiểm sát không đúng thời hạn): Thống kê số bản án, quyết định Tòa án gửi cho VKS không đúng về thời hạn theo quy định tại Điều 269, 315, 350, 428 BL TTDS.

- **Dòng 81 (Số bản án, quyết định VKS yêu cầu Tòa án chuyển cơ quan THADS)**: Thống kê số bản án, quyết định mà VKS yêu cầu Tòa án chuyển sang cơ quan THADS.

- **Dòng 82 (Số quyết định xét miễn, giảm của Tòa án có vi phạm)**: Thống kê số việc Tòa án ra QĐ về việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án mà Tòa án có vi phạm (vi phạm về nội dung, hình thức) (Điều 63, 64 Luật THADS).

- **Dòng 83 (Số việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án có vi phạm)**: Thống kê số việc VKS kiểm sát việc xét, miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án có vi phạm.

- **Dòng 84 (Số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 85 (Tr. đó: Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản Tòa án có văn bản không chấp nhận kiến nghị của VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 86 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS

- **Dòng 87 (Số bản kháng nghị của VKS đối với Tòa án):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS đối với quyết định của Tòa án về miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước theo Điều 64 luật THADS.

- **Dòng 88 (Tr. đó: Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS đối với Tòa án được Tòa án chấp nhận

- **Dòng 89 (Số bản thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ):** Thống kê số bản thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ về công tác thi hành án dân sự

IV. HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

- **Dòng 90 (Số bản án, quyết định Hành chính Tòa án gửi cho VKS):** Thống kê số bản án, QĐ Hành chính Tòa án gửi cho VKS

- **Dòng 91 (Tr. đó: Số bản án, quyết định mà người phải thi hành án là Chủ tịch UBND):** Thống kê số người phải THA là chủ tịch UBND trong số QĐ buộc thi hành án hành chính của TA

- **Dòng 92 (Số BA, QĐ mà người phải THA là UBND):** Thống kê số người phải THA là UBND trong số QĐ buộc thi hành án hành chính của TA

- **Dòng 93 (Số bản án, quyết định cơ quan thi hành án đã ra thông báo tự nguyện thi hành án VKS đã nhận):** thống kê số bản cơ quan THADS ra thông báo tự nguyện thi hành án hành chính VKS đã nhận.

- **Dòng 94 (Tr. đó: Số bản thông báo VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số thông báo tự nguyện THADS VKS kiểm sát có vi phạm

- **Dòng 95 (Số thông báo tự nguyện THAHC đã thi hành xong):** Số bản cơ quan THADS gửi sang cho VKS thông báo kết quả đã thi hành xong theo khoản 3 Điều 12 Nghị định 71/2016/NĐ-CP

- **Dòng 96 (Tr. đó: Số bản thông báo tự nguyện thi hành án là Chủ tịch UBND đã thi hành xong):** thống kê số bản cơ quan THADS ra thông báo tự nguyện thi hành án hành chính là Chủ tịch UBND đã thi hành xong.

- **Dòng 97 (Số bản thông báo tự nguyện thi hành án là UBND đã thi hành xong):** thống kê số bản cơ quan THADS ra thông báo tự nguyện thi hành án hành chính là UBND đã thi hành xong.

- **Dòng 98 (Số quyết định buộc thi hành án hành chính của Tòa án VKS đã nhận):** Thống kê số việc TA ra QĐ buộc THAHC gửi cho VKS (K2 Điều 312 Luật TTHC)

- **Dòng 99 (Tr. đó: Số quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số QĐ buộc thi hành án hành chính VKS phát hiện có vi phạm (vi phạm về thời hạn, nội dung, hình thức).

- **Dòng 100 (Số quyết định buộc thi hành án hành chính của Tòa án đã thi hành xong):** Thống kê số QĐ buộc THAHC của Tòa án, cơ quan THADS đã tổ chức thi hành xong.

- **Dòng 101 (Tr. đó: Người phải thi hành là Chủ tịch UBND):** Thống kê số QĐ thi hành án hành chính mà người phải thi hành là Chủ tịch UBND đã thi hành xong.

- **Dòng 102 (Người phải thi hành là UBND):** Thống kê số QĐ thi hành án hành chính mà người phải thi hành là UBND đã thi hành xong.

- **Dòng 103 (Số bản VKS yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc thi hành án hành chính):** Thống kê số bản VKS yêu cầu Tòa án ra QĐ buộc THA hành chính.

- **Dòng 104 (Số bản kiến nghị của VKS trong công tác thi hành án hành chính):** Hướng dẫn tại mục I. Một số khái niệm chung

- **Dòng 105 (Số kiến nghị được chấp nhận):** xem hướng dẫn ở phần I. Một số khái niệm

- **Dòng 106 (Số kiến nghị không được chấp nhận):** xem hướng dẫn ở phần I. Một số khái niệm

- **Dòng 107 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ THAHC):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thi hành án hành chính và cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức phải chấp hành bản án, quyết định của Tòa án theo Điều 315 Luật TTHC.